

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Tên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Mã ngành: 6810101

HỌC KỲ 1 (19 Tín chỉ)

Quản trị học MH3042652, 2(1,1)	Quản trị các dịch vụ giải trí MH3042672, 2(1,1)
Tổng quan du lịch MH3042655, 3(2,1)	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam MH3042662, 3(2,1)
Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch MH3042661, 3 (2,1)	Tuyến điểm du lịch Việt Nam MH3042663, 3(2,1)
Pháp luật MH3108103, 2(2,0)	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch MH3042660, 2 (1,1)
Giáo dục Chính trị MH3108021, 5(5,0)	Quản trị nhà hàng, khách sạn MH3042673, 2(1,1)
Tiếng Anh 1 MH3107260, 2(1,1)	Tiếng Anh 2 MH3107261, 2(1,1)
Giáo dục thể chất MH3109105, 2(0,2)	Tin học MH3101260, 3(1,2)
	Giáo dục quốc phòng và an ninh MH3109022, 3(2,1)

HỌC KỲ 3 (20 Tín chỉ)

Thiết kế và tính giá chương trình du lịch MH3042665, 3(1,2)	Tổ chức sự kiện trong du lịch MH3142690, 3 (1,2)
Tiếng Anh chuyên ngành điều hành tour du lịch MH3042664, 3 (1,2)	Tổ chức bán chương trình du lịch MH3042668, 3(1,2)
Quản trị kinh doanh lữ hành MH3042671, 3(2,1)	Marketing du lịch MH3042666, 3(2,1)
Thực tập nghiệp vụ chuyên ngành MH3042676, 2(0,2)	

HỌC KỲ 4 (19 Tín chỉ)

Văn hóa ẩm thực MH3042674, 2(1,1)	Thực tập tốt nghiệp MH3042677, 5(0,5)
Du lịch điện tử MH3042667, 2(1,1)	
Công dụng công nghệ số và AI trong dịch vụ du lịch MH3042675, 2(1,1)	
Điều hành chương trình du lịch MH3042669, 3(1,2)	
Tự chọn 2 trong 6 môn học/ mô đun (5 tín chỉ)	

Các môn học/ mô đun tự chọn (5 tín chỉ)	Chăm sóc khách hàng MH3042673, 2(1,1)	Tiền tệ và thanh toán quốc tế trong du lịch MH3042679, 2(1,1)	Kỹ năng hoạt náo MH3042683, 2(1,1)	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch MH3042681, 3(2,1)	Quản lý chất lượng dịch vụ MH3042682, 3(2,1)	Khoản nghiệp vụ kinh doanh MH3042683, 3(2,1)
--	--	---	---------------------------------------	---	---	--

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT & NCKH

Signature: Nguyễn Lưu Minh Triết

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Signature: Ngô Thị Mỹ Hạnh